**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 8 NĂM HỌC 2023 - 2024**

**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 8**

1. **Ma trận đề kiểm tra giữa kì I môn Công nghệ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Sô CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **I. Vẽ kĩ thuật** | ***1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kĩ thuật*** | **1** | 1.5 | **1** | 3 |  |  |  |  | 2 |  | **4,5** | **10** |
| ***2. 1.2. Hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay*** | **2** | 3 | **3** | 9 |  |  |  |  | 5 |  | **12** | **25** |
| ***1.3. Hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản*** | **2** | 3 | **1** | 3 |  |  | 1 | 5 | 3 | 1 | **11** | **25** |
| ***1.4. Bản vẽ chi tiết*** | **1** | 1.5 | **1** | 3 | 1 | 5 |  |  | 2 | 1 | **9.5** | **30** |
| ***1.5. Bản vẽ lắp*** | **1** | 1.5 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | **1.5** | **5** |
| ***1.6. Bản vẽ nhà*** | **1** | 1.5 |  |  | 1 | 5 |  |  | 2 |  | **6.5** | **5** |
|  |  | ***Tổng*** | **8** | 12 | **6** | 18 | 1 | 10 | 1 | 5 | 14 | 2 | **45** | **100** |
|  |  | **Tỉ lệ (%)** | 40 | | 30 | | 20 | | 10 | | 70 | 30 | **100** | **100** |

1. **Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì I môn Công nghệ 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| I | **I. Vẽ kĩ thuật** | ***1.1. Tiêu chuẩn bản vẽ kĩ thuật*** | **Nhận biết:**   * Gọi tên được các loại khổ giấy. * Nêu được một số loại tỉ lệ. * Nêu được các loại đường nét dùng trong bản vẽ kĩ thuật.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được tiêu chuẩn về khổ giấy. * Giải thích được tiêu chuẩn về tỉ lệ. * Mô tả được tiêu chuẩn về đường nét. * Mô tả được tiêu chuẩn về ghi kích thước. | 1 | 1 |  |  |
| ***1.2. Hình chiếu***  ***vuông góc của một số khối đa diện, khối tròn xoay.*** | **Nhận biết:**   * Trình bày khái niệm hình chiếu. * Gọi được tên các hình chiếu vuông góc, hướng chiếu. * Nhận dạng được các khối đa diện. * Nhận biết được hình chiếu của một số khối đa diện thường gặp. * Nhận biết được hình chiếu của một số khối tròn xoay thường gặp**.** * Trình bày được các bước vẽ hình chiếu vuông góc một số khối đa diện, tròn xoay thường gặp   **Thông hiểu:**   * Phân biệt được các hình chiếu của khối đa diện, khối tròn xoay. * Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.   - Sắp xếp đúng vị trí các hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp trên bản vẽ kỹ thuật.  - Giải tích được mối liên hệ về kích thước giữa các hình  chiếu.  **Vận dụng:**   * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối đa diện theo phương pháp chiếu góc thứ nhất. * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một số khối tròn xoay thường gặp theo phương pháp chiếu góc thứ   nhất. | 2 | 3 |  |  |
|  |  | ***1.3. Hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản*** | **Nhận biết:**  - Kể tên được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.  - Nêu được cách xác định các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.  **Thông hiểu:**  **-** Phân biệt được các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.  - Sắp xếp được đúng vị trí các hình chiếu vuông góc  của vật thể trên bản vẽ kĩ thuật.  - Tính toán được tỉ lệ để vẽ các hình chiếu vuông góc của vật thể đơn giản.  **Vận dụng:**   * Vẽ được hình chiếu vuông góc của một vật thể đơn giản. * Ghi được kích thước đúng quy ước trong bản vẽ kĩ   thuật. | 2 | 1 |  | 1 |
|  |  | ***1.4. Bản vẽ chi tiết*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ chi tiết. * Kể tên các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ chi tiết đơn giản.  **Vận dụng:**  - Đọc được bản vẽ chi tiết đơn giản theo đúng trình tự  các bước | *1* | 1 | *1* |  |
|  |  | ***1.5. Bản vẽ lắp*** | **Nhận biết:**   * Trình bày được nội dung và công dụng của bản vẽ lắp * Kể tên các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ lắp đơn giản.   **Vận dụng:**   * Đọc được bản vẽ lắp đơn giản theo đúng trình tự các bước. | *1* | 0 | *0* |  |
|  |  | ***1.6. Bản vẽ nhà*** | **Nhận biết:**   * Nêu được nội dung và công dụng của bản vẽ nhà. * Nhận biết được kí hiệu quy ước một số bộ phận của ngôi nhà. * Trình bày được các bước đọc bản vẽ nhà đơn giản.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được trình tự các bước đọc bản vẽ nhà.   **Vận dụng:**  - Đọc được bản vẽ nhà đơn giản theo đúng trình tự các bước. | 1 | 0 | *1* |  |
| ***Tổng*** | | |  | 8 | 6 | *2* | 1 |

**I/ Phần trắc nghiệm: (7 điểm)**

**Hãy khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:**

**Câu 1: Chiều rộng nét vẽ của nét liền đậm và nét liền mảnh thường chọn là:**

A. 0,5mm và 0,25mm

B. 1,5mm và 0,5mm

C. 0,25mm và 0,5mm

D. 0,5mm và 0,5mm

**Câu 2. Cạnh thấy, đường bao thấy được vẽ bằng:**

A. Nét đứt

B. Nét liền mảnh

C. Nét liền đậm

D. Nét chấm gạch mảnh.

**Câu 3. Mặt phẳng chiếu đứng là:**

A. Mặt nằm ngang.

B. Mặt cạnh bên phải.

C. Mặt chính diện

D. Mặt cạnh bên trái.

**Câu 4. Hình chiếu bằng có hướng chiếu:**

A. Từ trước tới

B. Từ trên xuống

C. Từ trái sang

D. Từ phải sang

**Câu 5 Các** hình chiếu nào ở hình 2 tương ứng với vật thể nào ở hình 1

**1**

**2**

3

**A**

**B**

**C**

**Hình 1**

**Hình 2**

A. A-1, B-2, C-3

B. A-2, B-1, C-3

C. A-3, B-2, C-1

D. A-3, B-1, C-2

**Câu 6. Hình chiếu đứng của hình cầu là:**

A. Nửa hình tròn

B. Hình chữ nhật

C. Hình tròn

D. Hình tam giác

**Câu 7. Hình số 1 trong bản vẽ sau là vị trí của hình chiếu nào ?**

1 2

3

A. Hình chiếu đứng B. Hình chiếu bằng

C. Hình chiếu cạnh D.Hình chữ nhật

**Câu 8. Vật thể được bao bởi 6 hình chữ nhật là:**

A. Hình lăng trụ đều

B. Hình trụ.

C. Hình hộp chữ nhật

D. Hình nón.

**Câu 9. Các khối hình học thường gặp gồm những khối cơ bản:**

A. Khối đa diện và khối tròn xoay

B. Khối đa diện và khối cầu.

C. Khối tròn xoay và khối lăng trụ đều

D. Khối tròn xoay và khối hình hộp chữ nhật

**Câu 10. Hình chiếu đứng ở vị trí nào trên bản vẽ:**

A. Góc trên cùng bên phải của bản vẽ kĩ thuật

B. Bên dưới hình chiếu bằng.

C. Bên phải hình chiếu cạnh

D. Góc trên cùng bên trái của bản vẽ kĩ thuật

**Câu 11. Bản vẽ chi tiết gồm mấy nội dung:**

A. 6

B. 5

C. 3

D. 4

**Câu 12. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết:**

A. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, tổng hợp.

B. Khung tên, kích thước, yêu cầu kĩ thuật,hình biểu diễn, tổng hợp.

C. Khung tên, yêu cầu kĩ thuật, kích thước, hình biểu diễn, tổng hợp.

D. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật.

**Câu 13. Nội dug của bản vẽ lắp bao gồm:**

A. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật.

B. Khung tên, bảng kê, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật.

C. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, bảng kê.

D. Kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, bảng kê.

**Câu 14. Công dụng của bản vẽ nhà là:**

A. Thiết kế và thi công xây dựng ngôi nhà.

B. Thiết kế và xây dựng ngôi nhà

C. Thi công xây dựng ngôi nhà

D. Cho biết hình dạng của ngôi nhà

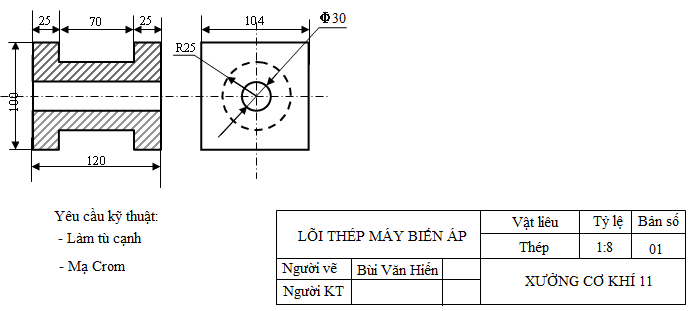
**II. Phần tự luận:**

**Câu 1:** Nêu trình tự đọc bản vẽ nhà?

**Câu 2**: Người công nhân căn cứ vào đâu để có thẻ chế tạo chi tiết máy đúng như yêu cầu của người thiết kế?

**Câu 3** (1 đ ) Hãy vẽ các hình chiếu đứng, hình chiếu cạnh của vật thể sau:

**Câu 2**. (2đ ) Hãy quan sát và đọc bản vẽ chi tiết sau:



**Phần III. Đáp án-Biểu điểm**

***Phần I:*Trắc nghiệm: 7 điểm**

***Mỗi câu đúng được 0,5 điểm:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| A | C | C | B | D | C | A | C | A | D | D | D | C | A |

**II. Tự luận: 3 điểm**

**Câu 1: (1đ):** Trình tự đọc bản vẽ nhàgồm các bước **:**

- Đọc khung tên

* Đọc hình biểu diễn
* Đọc kích thước
* Đọc các bộ phận chính của ngôi nhà

**Câu 2:((1đ)** Người công nhân cần căn cứ vào bản vẽ chi tiết để gia công, chế tạo chi tiết máy đúng như yêu cầu của người thiết kế.

**Câu 3 : (1đ)** Vẽ hình chiếu đứng, chiếu cạnh của vật thể .Mỗi hình vẽ đúng được 0,5đ

**Câu 2 (2 đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đáp án | Điểm |
|  | Nêu đúng được:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trình tự đọc** | **Nội dung cần hiểu** | **Bản vẽ lõi thép máy biến áp** | | **1. Khung tên** | -Tên gọi chi tiết  -Vật liệu  -Tỉ lệ | - Lõi thép máy biến áp    - Thép  - 1:8 | | **2. Hình biểu diễn** | -Tên gọi hình chiếu  -Vị trí hình cắt | - Hình chiếu cạnh  - Ơ hình chiếu đứng | | **3. Kích thước** | - Kích thước chung của chi tiết  - Kích thước cac phần của chi tiết | - Dài 120 ,rộng 104 , dầy 100  - R25, D30, 70,25 | | **4. Yêu cầu kĩ thuật** | - Gia công  - Xử lí bề mặt | - Lam tù cạnh  - Mạ Crom | | **5. Tổng hợp** | - Mô tả hình dạng và cấu tạo của chi tiết  - Công dụng của chi tiết | -Loi có dạng hình nón cụt có ren ở giữa  - Dùng để dẫn từ thông và làm khung quấn dây. | | 0.5  0,5  0.5  0,5 |